

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2023 của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Phụ lục 1 và 2 đính kèm.

Điều 2. Giữ nguyên các nội dung khác của Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023, Nghị

quyết số 71/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày tháng năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, CP;
- Bộ TC, Bộ KHĐT;
- Ban thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, HDT, VN.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập báo cáo đề xuất CTĐT/ Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025					Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh				Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn CBNS địa phương	Nguồn thu SDB bổ sung giai đoạn 2023-2025	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQSS của Quốc hội			Vốn CDNS địa phương	Nguồn thu SDB bổ sung giai đoạn 2023-2025	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQSS của Quốc hội		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CDNS địa phương	Nguồn thu SDB bổ sung giai đoạn 2023-2025		Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQSS của Quốc hội			
								Vốn NS tỉnh				Vốn NSTW, ODA	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)				Vốn Trái phiếu CQBP						Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	Vốn Trái phiếu CQBP	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	Vốn Trái phiếu CQBP
TỔNG SỐ						10.820.002	447.256	6.985.000	600.000	2.300.000	0	0	0	0	0	10.820.002	447.256	6.985.000	600.000	2.300.000						
1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						109.926	109.926	0	0	0	-78.926	-78.926	0	0	31.000	31.000	0	0	0						
1	Xây dựng 15 phòng học và công trình phụ trợ Trường tiểu học số 3 Ninh Hiệp	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Ninh Hiệp	2021	29/NQ-HĐND ngày 27/4/2021	1549/QĐ-CTUBND ngày 29/11/2021	9.365	6.500	6.500	6.500						0	0	0	0	0						
2	Xây dựng 04 phòng học và công trình phụ trợ Trường mầm non 2/9		Ninh Hiệp		30/NQ-HĐND ngày 27/4/2021		5.554	3.800	3.800	3.800						0	0	0	0	0						
3	Xây dựng 06 phòng học và nhà văn phòng Trường tiểu học Ninh Hòa		Ninh Hòa		26/NQ-HĐND ngày 27/4/2021		6.719	4.700	4.700	4.700						0	0	0	0	0						
4	Xây dựng 08 phòng học và khối văn phòng Trường THCS Tô Hiến Thành	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Ninh Sim	2022	32/NQ-HĐND ngày 27/4/2021	1547/QĐ-CTUBND ngày 23/11/2021	9.722	6.700	6.700	6.700						0	0	0	0	0						
5	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thọ	Phòng GD&ĐT Ninh Hòa	Ninh Thọ	2022	65/NQ-HĐND ngày 04/8/2021	1566/QĐ-CTUBND ngày 27/12/2021	3.552	1.050	1.050	1.050						0	0	0	0	0						
6	Xây dựng 04 phòng học và công trình phụ trợ Trường mầm non Ninh Sim			2024	88/NQ-HĐND ngày 04/8/2021		4.400	3.100	3.100	3.100						0	0	0	0	0						
7	Xây dựng 06 phòng học và công trình phụ trợ Trường mầm non Ninh Diêm			2021	89/NQ-HĐND ngày 04/8/2021		9.420	6.650	6.650	6.650						0	0	0	0	0						
8	Xây dựng 04 phòng học và công trình phụ trợ Trường mầm non Ninh Hòa			2021	83/NQ-HĐND ngày 04/8/2021		9.310	6.580	6.580	6.580						0	0	0	0	0						
9	Xây dựng 04 phòng học và công trình phụ trợ Trường mầm non Ninh Đa			2025	87/NQ-HĐND ngày 04/8/2021		4.400	3.100	3.100	3.100						0	0	0	0	0						
10	Xây dựng Trường THCS Hàm Nghi			2023	77/NQ-HĐND ngày 04/8/2021		11.590	8.580	8.580	8.580						0	0	0	0	0						
11	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Tri Phương	Phòng GD&ĐT Ninh Hòa	xã Ninh Thọ	2022	68/NQ-HĐND ngày 04/8/2021	15961/QĐ-CTUBND ngày 27/12/2021	1.211	360	360	360						0	0	0	0	0						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập báo cáo đề xuất CTBT/ Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025					Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh					Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CBNS địa phương	Nguồn thu SDB bổ sung giai đoạn 2023-2025	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CBNS địa phương	Nguồn thu SDB bổ sung giai đoạn 2023-2025	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CBNS địa phương	Nguồn thu SDB bổ sung giai đoạn 2023-2025	Trong đó:			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh				Vốn NSTW, ODA	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQSS của Quốc hội				Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)	Vốn Trái phiếu CQĐP				Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQSS của Quốc hội	Nguồn vốn TW (nguồn từ 70% số tăng thu NSTW)		Vốn Trái phiếu CQĐP
2	Tu bổ, gia cố, phục hồi Tháp Nam (tháp B) thuộc Di tích Tháp Bà Ponagar Nha Trang	Sở VHIT	NT	2024-2025		13.880	500	13.380 triệu đồng (Nguồn Quỹ PTHDSN Trung tâm BTD)						500	500					500	500	0	0	0	
3	Cải tạo, sửa chữa Nhà thi đấu thể thao 33 Phan Chu Trinh	Sở VHIT	NT	2024-2025		14.634	14.634							12.000	12.000					12.000	12.000	0	0	0	
IV	Bảo vệ môi trường (trong đó có bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)								52.410	9.500	0	0	0	-5.700	-5.700	0	0	0	0	46.710	3.800	0	0	0	
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (V.L.G)	Sở TNMT	loại linh	2017-2021		52.460	10.049	42.411	52.410	9.500				-5.700	-5.700					46.710	3.800	0	0	0	
V	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản								139.472	30.836	0	0	0	471.405	21.405	150.000	0	300.000	610.877	52.241	150.000	0	300.000		
1	Lắp đặt hệ thống camera giám sát vận hành tại các hồ chứa nước do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa quản lý	Sở NN&PTNT	trên địa bàn tỉnh	2022-2024	31/NQ-HĐND ngày 19/7/2022, 37/NQ-HĐND ngày 21/7/2023	2.063	2.063	2.063	2.100	2.100				-200	-200					1.900	1.900	0	0	0	
2	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	Sở NN&PTNT	Nha Trang, Diên Khánh, Vạn Ninh, Ninh Hòa	2018-2023	01/2016/NQ-HĐND 31/3/2016	224.648	11.916	212.732	107.202	1.691				500	500					107.702	2.191	0	0	0	
3	Sửa chữa kênh và công trình trên kênh Chính Bắc - Đập dâng sông Cái	Sở NN&PTNT		2024-2025		10.000	10.000							8.000	8.000					8.000	8.000	0	0	0	
4	Sửa chữa đập dâng Gò Mè, huyện Diên Khánh	Sở NN&PTNT	DK	2024-2025		14.500	14.500							12.000	12.000					12.000	12.000	0	0	0	
5	Chính trị hạ lưu sông Tắc (giai đoạn II)	Sở NN&PTNT		2024-2027		625.000	625.000							450.000		150.000		300.000	450.000	0	150.000	0	300.000		
6	Sửa chữa kênh và công trình trên kênh chính nam - Hồ chứa nước Suối Dầu	Sở NN&PTNT		2024-2025		3.000	3.000							2.500	2.500					2.500	2.500	0	0	0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập báo cáo đề xuất CĐTĐT/ Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025			Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh			Chi chú				
						TMĐT		Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQSS của Quốc hội	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQSS của Quốc hội	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQSS của Quốc hội	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQSS của Quốc hội	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQSS của Quốc hội	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQSS của Quốc hội	Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQSS của Quốc hội		Nguồn theo cơ chế đặc thù tại NQSS của Quốc hội			
						Vốn NS tính	Vốn NSTW, ODA													Vốn NS tính	Vốn NSTW, ODA	Vốn NS tính
7	Sửa chữa mái hệ lưu hồ chứa nước Đa Bàn (phần còn lại)	Công ty TNHH MTV KICT Thủy lợi KH	Ninh Hòa	2021-2023	167/QĐ-HĐND ngày 19/10/2021	7.685	7.685	7.500	7.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
8	Sửa chữa mái hệ lưu hồ chứa nước Hoa Sơn (phần còn lại)	Công ty TNHH MTV KICT Thủy lợi KH	Vạn Ninh	2022-2023	168/QĐ-HĐND ngày 19/10/2021	14.973	14.973	14.500	14.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
9	Biển cả Quảng Hội	UBND huyện Vạn Ninh	xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh	2019-2022	2244/QĐ-UBND ngày 30/09/2017, 1813/QĐ-UBND ngày 07/04/2023	37.172	37.172	5.045	8.170	5.045	-1.045	-1.045	0	0	0	0	0	0	0	0		
VII	Giao thông																					
1	Đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đến thị xã Ninh Hòa	BQL KIST và Phường Phước Ninh	Ninh Hòa - Vạn Ninh			2.166.787	2.166.787	130.000	130.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Đường Lê Duẩn - đoạn 3 (từ đường Nguyễn Lương Bằng đến đường Lê Lợi (đường C1))	Ban QLDA các CTSD Cam Ranh	CPH-CPHM-CPBL	2021-2023	379/QĐ-UBND ngày 21/12/2020, 629/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	326.280	93.470	10.000	130.000	10.000	64.470	64.470	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
VIII	Quản lý nhà nước																					
1	Tư vấn làm việc Hợp kiểm lâm Ninh Hòa	Chi cục Kiểm lâm Khánh Hòa	Ninh Hòa	2021-2023	164/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	5.000	5.000	5.000	5.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa	VPUĐND tỉnh	Nhà Trang	2023	170/QĐ-UBND ngày 02/02/2023	11.164	11.164	11.544	11.544	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc làm các cơ quan hành chính tại số 178 Trần Quý Cáp, số 135 Thống Nhất, số 05 đường Lê Thánh Tông phường Ninh Trang	Sở Xây dựng	Nhà Trang	2024		12.225	12.225															
4	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc làm tại số 05 Pasteur, thành phố Nha Trang	Sở Xây dựng	Nhà Trang	2024		13.837	13.837															
VIII	Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội																					
1	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Cam Ninh Nam, thành phố Cam Ranh	Cả tỉnh	xã Cam Ninh Nam	2022-2024	109/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	5.604	5.604	5.700	5.700	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập báo cáo đề xuất (TĐT)/ Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định phê duyệt		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh		Chi trả					
						địa phương	tỉnh, thành, nam ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CBNS địa phương	Vốn NS		Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn CBNS địa phương		
																		Trong đó:	Trong đó:
2	Nhà khách Công an tỉnh	CA tỉnh	Nhà Trại	2021-2023	088/QĐ-BCA/1601 ngày 17/2/2016 343/QĐ-BCA/1601 ngày 19/12/2016	343/QĐ-BCA/1601 ngày 19/12/2016	293.000	50.000			50.000		50.000	0	50.000	0	0	0	
3	Nâng cấp hệ thống camera và thiết bị tại Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh	CA tỉnh	Nhà Trại	2021-2023			43.984	43.984			43.500		43.500	0	43.500	0	0	0	
4	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Điện Tân, huyện Điện Khánh, Vĩnh	CA tỉnh	xã Điện Tân	2021-2023	088/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	230/QĐ-UBND ngày 21/05/2022	5.244	5.244			-100		-100	0	5.200	5.200	0	0	
5	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh	CA tỉnh	xã Khánh Bình	2021-2024	1130/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	225/QĐ-UBND ngày 27/09/2022	5.419	5.419			-100		-100	0	5.400	5.400	0	0	
6	Nhà gần dự án lý và Nhà làm việc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng	BCHQS tỉnh	thị trấn Sông Cầu, huyện Sông Cầu, tỉnh Quảng	2021-2023	070/QĐ-UBND ngày 14/09/2021	278/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	14.921	14.921			-12.400		-12.400	0	2.500	2.500	0	0	
7	Nhà làm việc Sở chỉ huy Tiểu Đâu Quân tư tỉnh QuảngTrang/Campuchia	BCHQS tỉnh		2021-2023			14.921	14.921			14.000		14.000	0	14.000	14.000	0	0	
8	Sửa chữa doanh trại Đồn biên phòng Ninh Hải (366)	BCH BĐBP	Ninh Hải	2021-2023	030/QĐ-UBND ngày 28/07/2021	270/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	6.251	6.251			-350		-350	0	5.900	5.900	0	0	
9	Sửa chữa, cải tạo doanh trại Hải đội 2	BCH BĐBP	Ninh Hải	2021-2023	060/QĐ-UBND ngày 28/07/2021	210/QĐ-UBND ngày 03/09/2021	4.096	4.096			-100		-100	0	3.900	3.900	0	0	
IX	Xây dựng hệ thống Khu lữ đình cư						0	0			1.994.000		1.994.000	0	1.994.000	0	1.994.000	0	
1	Di dời và tái định cư khu vực phía đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn An, xã Vạn An	UBND huyện Vạn An	Vạn An	2021-2023			261.007	261.007			61.000		61.000	0	61.000	61.000	0	200.000	
2	Khu tái định cư Vạn Thắng - giai đoạn 1	UBND huyện Vạn An	Vạn An	2021-2023			1.408.542	1.408.542			1.338.000		1.338.000	0	1.408.000	0	1.337.000	0	70.000
3	Mở rộng cơ sở hạ tầng hệ thống Khu tái định cư Ninh Hải (giai đoạn 2)	UBND huyện Vạn An	Vạn An	2021-2023			325.306	325.306			265.000		265.000	0	325.000	0	265.000	0	60.000

STT	Đanh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Cơ quan lập báo cáo đề xuất CTĐT/ Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến khởi công/KC-HIT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư										Chi chi					
							Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025					Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh				
							TMBT		Trong đó:			TMBT		Trong đó:				TMBT		Trong đó:		
Tổng số (tái đầu tư)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tái đầu tư)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tái đầu tư)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tái đầu tư)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tái đầu tư)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA								
X	Bổ sung cả mức tiêu thụ năng lượng cấp huyện đầu tư theo ngành, lĩnh vực						65.000	65.000	0	0	0	29.000	29.000	0	0	0	94.000	94.000	0	0	0	
1	Thị xã Ninh Hòa						23.000	23.000				5.000	5.000				30.000	30.000	0	0	0	1031/UBND-XTNĐ ngày 06/10/2023 của UBND tỉnh
2	Thành phố Cam Ranh						40.000	40.000				10.000	10.000				50.000	50.000	0	0	0	4437/UBND-KT ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh
3	Thành phố Nha Trang											14.000	14.000				14.000	14.000	0	0	0	542/TB-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh
XI	Chưa phân bổ						9.935.000	50.000	6.985.000	600.000	2.300.000	-3.587.500	-50.000	-3.507.500	-1.030.000	6.347.500	0	4.477.500	600.000	1.270.000		

PHỤ LỤC 2

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NỘI DUNG HỖ TRỢ ĐẤT Ở, NHÀ Ở CỦA DỰ ÁN 1
CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐBĐTTS VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

DVT: Triệu đồng

T	T	Nghị quyết 71/NQ-HĐND ngày 11/10/2023						Điều chỉnh							
		Số lượng (hộ)	TMĐT	NS trung ương	NS địa phương			Số lượng (hộ)	TMĐT	NS trung ương	NS địa phương			Vốn NQ 17/2022/ NQ-HĐND	
					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:			
						NS tỉnh	NS huyện					NS tỉnh	NS huyện		
	Tổng cộng (I+II)		125.696	65.840	3.976	2.784	1.192	55.880		120.776	65.840	2.776	1.944	832	52.160
I	Tổng vốn hỗ trợ đất ở, nhà ở		125.696	65.840	3.976	2.784	1.192	55.880		111.096	56.160	2.776	1.944	832	52.160
1	Hỗ trợ đất ở	176	8.096	7.040	1.056	740	316		36	1.656	1.440	216	152	64	
1.1	Huyện Khánh Vĩnh	155	7.130	6.200	930	651	279		17	782	680	102	72	30	
	Xã Cầu Bà								3	138	120	18	13	5	
	Xã Khánh Trung								4	184	160	24	17	7	
	Xã Khánh Bình								9	414	360	54	38	16	
	Xã Liên Sang								1	46	40	6	4	2	
1.2	Huyện Diên Khánh	3	138	120	18	13	5		3	138	120	18	13	5	
	Xã Suối Tiên								1	46	40	6	4	2	
	Xã Diên Tân								2	92	80	12	9	3	
1.3	Thị xã Ninh Hoà	14	644	560	84	59	25		11	506	440	66	46	20	
	Xã Ninh Tây								11	506	440	66	46	20	
1.4	TP Cam Ranh	4	184	160	24	17	7		5	230	200	30	21	9	
	Xã Cam Thịnh Tây								5	230	200	30	21	9	
2	Hỗ trợ nhà ở	1.470	117.600	58.800	2.920	2.044	876	55.880	1.368	109.440	54.720	2.560	1.792	768	52.160
2.1	Huyện Khánh Vĩnh	482	38.560	19.280				19.280	389	31.120	15.560				15.560
	Xã Sơn Thái								6	480	240				240
	Xã Cầu Bà								20	1.600	800				800
	Xã Khánh Hiệp								78	6.240	3.120				3.120
	Xã Khánh Trung								52	4.160	2.080				2.080
	Xã Khánh Bình								79	6.320	3.160				3.160
	Xã Khánh Phú								57	4.560	2.280				2.280
	Xã Khánh Thành								40	3.200	1.600				1.600
	Xã Khánh Đông								24	1.920	960				960
	Xã Liên Sang								33	2.640	1.320				1.320
2.2	Huyện Khánh Sơn	915	73.200	36.600				36.600	915	73.200	36.600				36.600
	Xã Thành Sơn								232	18.560	9.280				9.280
	Xã Sơn Lâm								176	14.080	7.040				7.040
	Xã Sơn Bình								97	7.760	3.880				3.880
	Xã Sơn Hiệp								34	2.720	1.360				1.360
	Thị trấn Tô Hạp								109	8.720	4.360				4.360
	Xã Sơn Trung								105	8.400	4.200				4.200
	Xã Ba Cùm Bắc								84	6.720	3.360				3.360
	Xã Ba Cùm Nam								78	6.240	3.120				3.120
2.3	Huyện Cam Lâm	12	960	480	480	336	144		12	960	480	480	336	144	
	Xã Sơn Tân								4	320	160	160	112	48	
	Xã Suối Cát								8	640	320	320	224	96	
2.4	Huyện Diên Khánh	3	240	120	120	84	36		3	240	120	120	84	36	
	Xã Suối Tiên								1	80	40	40	28	12	

T T	Nghị quyết 71/NQ-HĐND ngày 11/10/2023							Điều chỉnh						
	Số lượng (hộ)	TMDT	NS trung ương	NS địa phương			Vốn NQ 17/2022/ NQ- HĐND	Số lượng (hộ)	TMDT	NS trung ương	NS địa phương			Vốn NQ 17/2022/ NQ- HĐND
				Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:		
					NS tỉnh	NS huyện						NS tỉnh	NS huyện	
	Xã Diên Tân							2	160	80	80	56	24	
2.5	Thị xã Ninh Hòa	23	1.840	920	920	644	276		17	1.360	680	680	476	204
	Xã Ninh Tây							17	1.360	680	680	476	204	
2.6	TP Cam Ranh	35	2.800	1.400	1.400	980	420		32	2.560	1280	1280	896	384
	Xã Cam Thịnh Tây							7	560	280	280	196	84	
	Xã Cam Phước Đông							25	2.000	1.000	1.000	700	300	
II	Chưa phân bổ								9.680	9.680				

Số: /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch đầu tư công năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2023 của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2024 như sau:

1. Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2024 là 4.947,21 tỷ đồng. Trong đó:

a) Tổng vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương: 4.739,906 tỷ đồng. Cụ thể:

- Nguồn vốn XDCB tập trung: 2.674,906 tỷ đồng.

- Nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối: 1.800 tỷ đồng.

- Nguồn vốn từ nguồn thu XSKT: 265 tỷ đồng.

(Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, nguồn bội chi: thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính).

b) Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia: 207,304 tỷ đồng.

2. Phân cấp quản lý vốn đầu tư

- a) Ngân sách cấp tỉnh quản lý đầu tư: 3.954,357 tỷ đồng. Trong đó:
- Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: 3.747,053 tỷ đồng, gồm:
 - + Nguồn XDCB tập trung là: 2.207,053 tỷ đồng.
 - + Nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối: 1.275 tỷ đồng.
 - + Nguồn vốn từ nguồn thu XSKT: 265 tỷ đồng.
 - Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia: 207,304 tỷ đồng.
- b) Ngân sách cấp huyện quản lý đầu tư: 992,853 tỷ đồng. Trong đó:
- Nguồn vốn XDCB tập trung: 467,853 tỷ đồng.
 - Nguồn cấp quyền sử dụng đất: 525 tỷ đồng.
3. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công, danh mục chương trình, dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi đầu tư cấp tỉnh và vốn đầu tư phân cấp cho cấp huyện theo các Phụ lục 1, 2, 3, 4 đính kèm.

Điều 2. Các giải pháp thực hiện

1. Tiếp tục thực hiện công tác tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Chính phủ. Không bố trí danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công năm 2024 nếu chưa được quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư theo quy định.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện (bao gồm cấp xã) thực hiện theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên đầu tư và dự kiến phân bổ nguồn vốn cho các ngành, lĩnh vực, chương trình tương ứng với số vốn phân cấp được phân bổ và số vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ trong bản kế hoạch này.

3. Chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan:

- Khẩn trương thực hiện kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất giai đoạn 2023-2025 và năm 2024 để bổ sung nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện đầu tư các dự án đầu tư công trọng điểm theo Kế hoạch số 7201/KH-UBND ngày 20/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Xác định nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh giai đoạn 2023-2027 khi thực hiện khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội khi kết thúc niên độ ngân sách hàng năm.

- Xây dựng Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương để bổ sung nguồn vốn cho các dự án đầu tư công năm 2024.

- Thực hiện công tác xúc tiến, kêu gọi các nhà đầu tư chiến lược để bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển từ nguồn ứng trước kinh phí cho Nhà nước để thực hiện dự án đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong Khu kinh tế Vân Phong trong giai đoạn 2022-2027 khi thực hiện điểm b khoản 9 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.

- Báo cáo Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương hỗ trợ nguồn vốn ngân sách Trung ương cho các dự án đầu tư công trọng điểm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030, góp phần hoàn thành các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, các bộ ngành Trung ương về rà soát kế hoạch đầu tư công; trình cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến, quyết định chủ trương đầu tư dự án phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công.

4. Thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư định kỳ ở các cấp tỉnh, huyện, xã. Kiểm tra việc báo cáo giám sát đánh giá đầu tư của các chủ đầu tư (cả chủ đầu tư nguồn vốn ngoài ngân sách), của UBND cấp huyện để đánh giá hiệu quả đầu tư 6 tháng và hàng năm.

5. Các chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương, vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ năm 2024 đẩy nhanh tiến độ thi công và nghiệm thu khối lượng hoàn thành để giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao. Tích cực xử lý các vướng mắc phát sinh, rà soát các vướng mắc cụ thể về cơ chế chính sách đã ban hành làm ảnh hưởng đến công tác tạm ứng, thanh toán vốn (nếu có), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để xin ý kiến xử lý.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày tháng năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBTVQH, CP;
- Bộ TC, Bộ KHĐT;
- Ban thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBNDTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, HDT, VN.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 1
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Trong đó:					Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA								
	TỔNG SỐ								4.947.210	2.674.906	1.800.000	265.000	207.304			
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ								3.954.357	2.207.053	1.275.000	265.000	207.304			
A.1	Trả nợ vốn vay và hoàn trả số tiền ứng trước tiền thuê đất đã nộp cho các nhà đầu tư tại Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh								47.414	47.414	0	0	0			
-	Trả nợ vốn vay							72.763	44.449	44.449						
-	Hoàn trả số tiền ứng trước tiền thuê đất đã nộp cho các nhà đầu tư tại Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh							250.000	2.965	2.965						
A.2	Vốn chuẩn bị đầu tư							61.931	38.069	38.069						
A.3	Vốn thực hiện đầu tư								3.868.874	2.121.570	1.275.000	265.000	207.304			
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp								198.091	120.820	0	77.271	0			
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024								122.485	54.820	0	67.665	0			

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA						Vốn XDCB tập trung		Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
1	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn (giai đoạn 2)	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2022-2024	03/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2027/QĐ-UBND ngày 24/8/2023	35.734	35.734		1.100	33.900	33.900						
2	Xây dựng Nhà đa năng kết hợp phòng bộ môn, kho thiết bị trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2022-2024	04/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2048/QĐ-UBND ngày 30/8/2023	11.278	11.278		2.580	8.420	8.420						
3	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất Trường trung cấp nghề Dân tộc nội trú Khánh Vĩnh	Sở LĐ	Khánh Vĩnh	2022-2024	51/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	1133/QĐ-UBND ngày 27/4/2022	21.161	21.161		5.371	15.329			15.329				
4	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề Cam Lâm	Sở LĐ	Cam Lâm	2023-2024	19/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	589/QĐ-UBND ngày 25/02/2022	4.320	4.320		196	4.124			4.124				
5	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề Ninh Hòa	BQLDA Phát triển tỉnh	Thị Xã Ninh Hòa	2023-2024	22/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	2663/QĐ-UBND ngày 23/9/2022; 3123/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	7.228	7.228		4.700	2.500			2.500				
6	CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông	BQL ĐAĐT XD các CT GT	NT	2006-2024		1317/QĐ-UBND 16/01/2007; 2676/QĐ-UBND 8/10/2014; 96/QĐ-UBND 14/01/2020; 77/QĐ-UBND ngày 08/01/2021; 3356/QĐ-UBND ngày 06/12/2022; 2796/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	562.820	562.820		242.723	6.885			6.885				
7	BTHT để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trường CĐ Sư phạm Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	NT	2012-2023		2162/QĐ-UBND 30/8/2012; 2701/QĐ-UBND 06/10/2020; 2140/QĐ-CTUBND ngày 26/7/2021; 358/QĐ-UBND ngày 16/02/2023; 1165/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	74.935	74.935		48.363	21.487			21.487				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA						Vốn XDCB tập trung		Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT
8	Xây dựng Nhà xưởng thực hành tại cơ sở mới của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2022-2024	118/NQ-HĐND ngày 19/10/2021	713/QĐ-UBND ngày 28/3/2023; 1528/QĐ-UBND ngày 04/7/2023	11.450	11.450		8.460	2.540			2.540			
9	Trường Tiểu học Khánh Nam, Hạng mục: Xây dựng 6 phòng học, khối phòng học bộ môn, công, tường rào, sân, nhà để xe, nhà bảo vệ	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Xã Khánh Nam	2023-2025	08/NQ-HĐND ngày 29/4/2021	749/QĐ-UBND 31/8/2022	12.139	12.000		7.000	5.000			5.000			
10	Trường Tiểu học Khánh Thành; Hạng mục: Xây dựng 3 phòng học, khối phòng bộ môn, khối phòng hành chính, nhà để xe, nhà bảo vệ, tường rào, sân	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Xã Khánh Thành	2023-2025	07/NQ-HĐND ngày 29/4/2021	748/QĐ-UBND 31/8/2022	12.333	12.000		7.000	5.000			5.000			
11	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2-6	Phòng GD&ĐT Ninh Hòa	các trường	2022-2024	81/NQ-HĐND ngày 04/8/2021	15735/QĐ-CTUBND ngày 09/12/2021; 1083/QĐ-CTUBND ngày 23/3/2022	17.968	12.500		0	12.500	12.500					
12	Trường Mầm non Cam Nghĩa (diêm mới), Hạng mục: Xây mới 8 phòng học, nhà hành chính, sân nền, cổng tường rào, nhà thường trực	Ban QLDA các CTXD Cam Ranh	Cam Nghĩa	2022-2023	83/NQ-HĐND ngày 26/8/2021	125/QĐ-UBND ngày 01/2/2023	14.000	9.800		5.000	4.800			4.800			
b	Dự án khởi công mới năm 2024										75.606	66.000	0	9.606	0		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	
1	Xây dựng hệ thống phần mềm quản trị nhà trường của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	Nha Trang	2022-2023	79/NQ-HĐND ngày 23/9/2022	2823/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	2.000	2.000		0	2.000	2.000			
2	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và xây mới ký túc xá Trường trung cấp nghề Cam Ranh	BQLDA Phát triển tỉnh	Cam Ranh	2022-2024	21/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	219/QĐ-UBND ngày 20/01/2022; 3121/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	9.990	9.990		384	9.606			9.606	
3	Trường Tiểu học-THCS Suối Tiên	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh	2023-2025	36/NQ-HĐND ngày 20/7/2020	295/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	26.999	10.500			10.500	10.500			
4	Trường Tiểu học Diên Lạc	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	xã Diên Lạc, Diên Khánh	2023-2025	95/NQ-HĐND ngày 23/07/2021	296/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	34.855	17.500			17.500	17.500			
5	Trường Mầm non Sao Mai	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Ba Cùm Bắc	2021-2025	32/NQ-HĐND ngày 24/11/2020	3598/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	12.000	12.000			12.000	12.000			
6	Trường mầm non Phong Lan	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Sơn Lâm	2023-2025	33/NQ-HĐND ngày 24/11/2020	2592/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	24.000	24.000		0	24.000	24.000			
II	Khoa học, công nghệ										134.500	134.500	0	0	0
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</i>										84.500	84.500	0	0	0

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	
1	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KHCN Khánh Hòa	Sở KH&CN	NT	2016-2024	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015; 137/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3126A/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 3217/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; 848/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	137.215	137.215		47.636	84.500	84.500			
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>									50.000	50.000	0	0	0	
1	Trạm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở KH&CN	DK	2019-2024	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015; 138/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3323/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 3257/QĐ-UBND ngày 07/12/2020; 1261/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	97.586	97.586		14.300	50.000	50.000			
III	Y tế, dân số và gia đình									231.274	43.545	0	187.729	0	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</i>									101.274	0	0	101.274	0	
1	Bệnh viện Ung bướu	Sở Y tế	NT	2016-2024	33/NQ-HĐND ngày 09/12/2015	3123/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 3306/QĐ-UBND ngày 11/12/2020; 2287/QĐ-UBND ngày 17/8/2022; 3355/QĐ-UBND ngày 06/12/2022; 2626/QĐ-UBND ngày 02/11/2023	560.862	224.862	336.000	500.100	40.000		40.000		
2	Bệnh viện đa khoa Nha Trang	Sở Y tế	NT	2019-2024	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015	812/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1189/QĐ-UBND ngày 25/5/2020; 2630/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	355.296	355.296		320.881	18.000		18.000		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
							Trong đó:									
		Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA												
3	Trung tâm Y tế Cam Ranh	Sở Y tế	CR	2021-2024	14/NQ-HĐND ngày 15/01/2021	622/QĐ-UBND ngày 01/3/2022; 1143/QĐ-UBND ngày 28/4/2022	61.702	61.702		22.000	33.000			33.000		
4	Bệnh viện đa khoa khu vực Ninh Hòa (mở rộng 50 giường)	Sở Y tế	NH	2021-2024	31/NQ-HĐND ngày 21/7/2020	1646/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	87.726	87.726		64.726	10.274			10.274		
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>										130.000	43.545	0	86.455	0	
1	Mua sắm trang thiết bị y tế cho các bệnh viện tuyến tỉnh và trung tâm y tế tuyến huyện giai đoạn 2021-2025	Sở Y tế	trên địa bàn tỉnh	2021-2024	53/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	128/QĐ-UBND ngày 12/01/2022	409.694	209.694	200.000	25.000	130.000	43.545		86.455		
IV	Văn hóa thông tin										260.354	201.237	59.117	0	0	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</i>										9.454	9.454	0	0	0	
1	Tôn tạo cảnh quan di tích địa điểm lưu niệm Tàu C235	Sở VH TT	xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa	2022-2024	53/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	1995/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	5.453	500	4.953 triệu đồng (Nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm bảo tồn di tích)	200	300	300				
2	Tu bổ di tích Đình Mỹ Thanh	Sở VH TT	Cam Ranh	2022-2023	143/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	2183/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	1.240	1.240		800	400	400				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	
3	Nhà thiếu nhi huyện Khánh Sơn	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	TT Tô Hạp	2020-2023	07/NQ-HĐND ngày 02/6/2020; 51/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	2416/QĐ-UBND ngày 24/9/2021; 2531/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	25.000	20.000		20.000	8.754	8.754			
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>										248.000	188.883	59.117	0	0
1	Xây dựng Cung Văn hóa Thiếu nhi tỉnh Khánh Hòa	BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2022-2025	123/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	2016/QĐ-UBND ngày 24/8/2023	544.577	544.577		2.000	248.000	188.883	59.117		
<i>c</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2024</i>										2.900	2.900	0	0	0
1	Tu bổ di tích Đình Thanh Châu	Sở VH TT	Ninh Hòa	2022-2023	149/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	2764/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	2.950	2.950			2.900	2.900			
V	Phát thanh, truyền hình, thông tấn										51.100	51.100	0	0	0
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</i>										51.100	51.100	0	0	0
1	Đầu tư, mua sắm hệ thống thiết bị kỹ thuật phụ vụ sản xuất, phát sóng chương trình của Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa	Đài PTTH Khánh Hòa	NT	2021-2024	63/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	510/QĐ-UBND ngày 18/02/2022	200.000	200.000		133.900	51.100	51.100			

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
VI	Bảo vệ môi trường (trong đó có bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)									235.420	235.420	0	0	0		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</i>									235.420	235.420	0	0	0		
1	Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang	BQLDA Phát triển tỉnh	NT	2018-2023	412/HĐND ngày 13/12/2017	3829/QĐ-UBND ngày 15/12/2017; 782/QĐ-UBND ngày 22/3/2018; 1996/QĐ-UBND ngày 19/7/2022	759.516	546.733	212.783	555.580	152.913	152.913				
2	Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiêu dự án thành phố Nha Trang	BQLDA Phát triển tỉnh	NT	2017-2024	582/QĐ-TTg ngày 06/4/2016; 98/NQ-HĐND ngày 19/10/2021	3348A/QĐ-UBND 31/10/2016; 2925/QĐ-UBND ngày 27/10/2020; 2984/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	1.607.510	254.611	1.352.899	1.283.517	82.507	82.507				
VII	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản									251.418	193.318	58.100	0	0		
a	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</i>									141.555	141.555	0	0	0		
1	Lắp đặt hệ thống camera giám sát vận hành tại các hồ chứa nước do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa quản lý	Sở NN&PTNT	trên địa bàn tỉnh	2022-2024	51/NQ-HĐND ngày 19/7/2022; 37/NQ-HĐND ngày 21/7/2023	2501/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	2.063	2.063		30	1.900	1.900				Hoàn ứng 400 triệu đồng (theo Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND (tỉnh))

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Trong đó:					Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA								
2	Hệ thống kênh đập dâng Chi Trừ (Kênh Văn Định đoạn thượng lưu)	BQL DAĐT XD các CT NN&PTNT	phường Ninh Hiệp, Ninh Hòa	2022-2024	50/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	2141/QĐ-UBND ngày 11/9/2023	24.100	24.100		1.039	22.961	22.961				
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng chống ngập lụt, xói lở Khu dân cư Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, kè bờ hữu sông Cái và kè bờ sông Cái qua xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang	BQL DAĐT XD các CT NN&PTNT	CR, NT	2020-2023	11/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	1856/QĐ-UBND 27/7/2020; 685/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	299.662	99.662	200.000	231.785	38.215	38.215				
4	Tiêu thoát lũ các xã Diên Sơn - Diên Điền - Diên Phú	BQL DAĐT XD các CT NN&PTNT	DK	2020-2023	10/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	2637/QĐ-UBND 30/9/2020; 2286/QĐ-UBND ngày 09/8/2021; 74/QĐ-UBND ngày 09/01/2023	90.605	10.605	80.000	80.615	937	937				
5	Kè, đập ngăn mặn sông Đá Hàn	UBND TX Ninh Hòa	Ninh Đa	2020-2023	14/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	2639/QĐ-UBND 30/9/2020; 3803/QĐ-UBND ngày 28/10/2021; 462/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	120.000	60.000	40.000	87.500	12.500	12.500				
6	Đê kè chống xói lở hai bờ sông, lạch Cầu Treo và khơi thông dòng chảy (đoạn từ cầu Bá Hà đến cầu Treo)	UBND TX Ninh Hòa	Ninh Diêm và Ninh Thủy	2021-2024	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2020	4996/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	100.000	35.000	50.000	11.150	25.000	25.000				
7	Kè chắn bầu Thanh Mỹ, giai đoạn 2, đoạn từ cầu Nhà trẻ đến cụm chia nước cuối bầu	UBND xã Ninh Quang	xã Ninh Quang	2022	08/NQ-HĐND ngày 04/5/2022	264/QĐ-UBND ngày 20/5/2022	7.152	6.800		2.000	4.800	4.800				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
8	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thị xã Ninh Hòa giai đoạn 2021-2025	Ban QLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa	2022-2024	105/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	1170/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	500	500		282	203	203				
9	Kè bờ tả, hữu sông Tô Giang, đoạn từ Quốc lộ 1A đến đập Hải Triều xã Vạn Phước	Phòng Kinh tế huyện Vạn Ninh	xã Vạn Phước	2021-2023	09/NQ-HĐND ngày 17/3/2021, 109/NQ-HĐND ngày 24/8/2021	545/QĐ-UBND ngày 17/6/2021, 871/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	58.000	50.000		34.890	15.110	15.110				
10	Kè chống sạt lở hạ lưu Cầu Sắt tại thôn Triệu Hải và Cửa Tùng xã Cam An Bắc, huyện Cam Lâm	BQLDA huyện Cam Lâm	Cam An Bắc	2022-2024	3915/QĐ-UBND ngày 11/11/2020; 2525/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	230/QĐ-UBND ngày 24/01/2022; 927/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	39.493	30.870		27.519	2.481	2.481				
11	Hỗ trợ đầu tư trồng cây phân tán huyện Cam Lâm, giai đoạn 2021-2025	BQLDA phát triển rừng sản xuất huyện Cam Lâm	Cam Lâm	2021-2025	07/NQ-HĐND ngày 07/4/2021	752/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	910	910		500	410	410				
12	Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất giai đoạn 2021-2025 (huyện Khánh Sơn)	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Khánh Sơn	Khánh Sơn	2021-2025	193/QĐ-UBND ngày 03/3/2021	630/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	1.999	1.999		1.167	832	832				
13	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Nha Trang giai đoạn 2021-2025	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Nha Trang - Hạt Kiểm lâm Nha Trang	Nha Trang	2021-2025	135/NQ-HĐND ngày 30/9/2021	3470/QĐ-UBND ngày 07/7/2022	385	385		138	170	170				
14	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát lũ của 02 hồ chứa nước Suối Hành, Tà Rục	UBND TP Cam Ranh	Cam Phước Đông, Cam Ranh	2021-2024	30/NQ-HĐND ngày 21/7/2020	1829/QĐ-UBND ngày 01/7/2021, 686/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	90.000	27.000	63.000	17.221	15.779	15.779				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
15	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Cam Ranh giai đoạn 2021-2025	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Cam Ranh	Cam Ranh	2021-2025	24/NQ-HĐND ngày 26/4/2021	720/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	767	767		510	257	257				
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>									95.502	37.402	58.100	0	0		
1	Hồ chứa nước Sơn Trung	Sở NN&PTNT	Khánh Sơn	2022-2025	37/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	889/QĐ-UBND ngày 19/4/2023	265.000	85.000	180.000	11.900	38.100		38.100			
2	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - Tỉnh Khánh Hòa	Sở NN&PTNT	Cam Lâm	2021-2025	529/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	1333/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	66.009	9.260	56.749	13.400	1.500	1.500				
3	Kè bờ biển thị trấn Vạn Giã (giai đoạn 2)	UBND huyện Vạn Ninh	TT Vạn Giã, huyện Vạn Ninh	2022-2025	81/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	2293/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	110.000	60.000	30.000	47.000	30.000	30.000			Hoàn ứng 6.700 triệu đồng (theo Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh)	
4	Kè và đường dọc sông nhánh nối sông Cái và sông Đông Đen (giai đoạn 2)	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	D.An-D.Toàn	2022-2025	33/NQ-HĐND ngày 28/4/2021	177/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	119.714	20.000	80.000	16.500	20.000		20.000			
5	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Bắc Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương	Khánh Vĩnh	2021-2025	46/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4779/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	9.000	9.000		5.919	1.173	1.173				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA						Vốn XD CB tập trung		Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
6	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Vạn Ninh, Ninh Hòa giai đoạn 2021 - 2025	BQL Rừng phòng hộ Bắc Khánh Hòa	Ninh Hòa, Vạn Ninh	2021-2025	47/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	307/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	5.880	5.880		4.000	1.880	1.880						
7	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Nam Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025	Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa	KV	2021-2025	48/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4972/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 776/QĐ-UBND ngày 24/3/2022	1.837	1.837		776	140	140						
8	Bảo vệ và phát triển rừng khu Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà giai đoạn 2021 - 2025	BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà	CL, DK, KS, KV	2021-2025	49/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4953/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.659	1.659		1.199	460	460						
9	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Cam Lâm - Cam Ranh - Khánh Sơn giai đoạn 2021 - 2025	BQL Rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa	CL, CR, KS	2021-2025	50/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	308/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	10.350	10.350		6.186	2.099	2.099						
10	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất huyện Diên Khánh giai đoạn 2021-2025	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Diên Khánh	Diên Khánh	2021-2025	125/NQ-HĐND ngày 14/9/2021	1330/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	420	420		260	150	150						
c	Dự án khởi công mới năm 2024										14.361	14.361	0	0	0			
1	Kè bờ tả sông Khê, thị trấn Khánh Vĩnh	Phòng NN&PTNT huyện Khánh Vĩnh	thị trấn Khánh Vĩnh	2021-2025	71/NQ-HĐND ngày 30/9/2020	790/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	14.870	14.870		0	14.000	14.000						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối						Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ		
2	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất giai đoạn 2021-2025 huyện Khánh Vĩnh	BQL Dự án Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 – 2025 (Hạt Kiểm lâm Khánh Vĩnh)	Khánh Vĩnh	2023-2025	76/NQ-HĐND ngày 14/9/2022	1411/QĐ-UBND ngày 29/12/2022; 90/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	1.850	1.850		0	361	361						
VIII	Giao thông									332.505	207.952	124.553	0	0				
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024									147.435	87.352	60.083	0	0				
1	Cầu huyện từ Vạn Giã đi Vạn Thắng (trên trục đường Nguyễn Huệ)	Sở GTVT	Vạn Ninh	2021-2024	54/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	3357/QĐ-UBND ngày 06/12/2022; 1883/QĐ-UBND ngày 09/8/2023	44.106	44.106		20.300	19.700	19.700						
2	Mở rộng, cải tạo một số vị trí đường cong nằm trên đường đèo Khánh Sơn	Sở GTVT	Khánh Sơn	2021-2024	56/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	1310/QĐ-UBND ngày 13/6/2023; 2067/QĐ-UBND ngày 05/9/2023	29.271	29.271		8.500	19.706	19.706						
3	Cầu qua sông Kim Bông	BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2021-2023	13/NQ-HĐND ngày 09/7/2019	2955/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	131.731	131.731		39.917	60.083	60.083						
4	Đường D30 - Kết nối đường 23 tháng 10 với đường Võ Nguyên Giáp	BQL DAĐT XD các CT NN&PTNT	Nha Trang	2018-2023	262/HĐND ngày 23/8/2018	3286/QĐ-UBND 31/10/2018; 3216/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; 1074/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	129.534	129.534		93.028	28.432	28.432						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và DP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
5	Xây dựng Cầu Huyện 2 và đường dẫn (1000m)	UBND huyện Vạn Ninh	TT Vạn Giã và xã Vạn Thắng	2021-2024	91/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	2415/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	156.959	26.000	120.000	47.800	10.000	10.000				
6	Mở rộng Hương lộ 5 (từ Tỉnh lộ 8 - Am Chúa)	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	Diên Điện	2021-2023	25/NQ-HĐND ngày 20/7/2020, 109/HĐND ngày 24/12/2020	49/QĐ-UBND ngày 19/3/2021	85.706	50.000		45.000	5.000	5.000				
7	Xây dựng cầu Sơn Trung huyện Khánh Sơn	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	TT Tô Hạp và xã Sơn Trung	2021-2025	28/NQ-HĐND ngày 18/8/2020	2593/QĐ-UBND ngày 24/9/2021	40.000	30.000		25.486	4.514	4.514				
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>										185.070	120.600	64.470	0	0	
1	Dự án thành phần 2 của Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 (Tiểu dự án giải phóng mặt bằng đoạn đi qua địa phận tỉnh Khánh Hòa)	UBND thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa	2022-2026	58/2022/QH15 ngày 16/6/2022	238/QĐ-BGTVT ngày 10/3/2023	10.436.543	1.100		0	1.100	1.100				
2	Tuyến đường gom dọc Quốc lộ 26B; Lý trình: Km10+031 - Km11+744	UBND TX Ninh Hòa	xã Ninh Thọ, Ninh Hòa	2022-2023	47/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	2335/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	21.726	21.726		0	21.500	21.500				Hoàn ứng 600 triệu đồng (theo Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh)
3	Đường D1 (Tỉnh lộ 2-QL 27C)	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	Diên Khánh	2022-2025	34/NQ-HĐND ngày 28/4/2021	251/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	130.258	20.000	73.516	41.713	20.000	20.000				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT
4	Đường Lê Duẩn - đoạn 3 (từ đường Nguyễn Lương Bằng đến đường Lê Lợi (đường C1))	Ban QLDA các CTXD Cam Ranh	CPhủ-CPNam-CPBắc	2021-2025	47/NQ-HĐND ngày 21/12/2020; 62/NQ-HĐND ngày 09/11/2023	645/QĐ-UBND ngày 30/6/2021; 1813/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	326.280	93.470	120.000	83.300	64.470		64.470				
5	Cầu Mương Quan, xã Diên Phú	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	xã Diên Phú	2021-2023	32/NQ-HĐND ngày 20/7/2020	147/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	61.541	28.000			15.000	15.000					
6	Cầu qua sông Cái Ninh Bình - Ninh Phụng	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	N.Bình - N.Xuân	2021-2023	35/NQ-HĐND ngày 16/10/2020	3799/QĐ-CTUBND ngày 20/9/2022	59.510	42.000		0	42.000	42.000					
7	Đường Minh Mạng, thị xã Ninh Hòa (giai đoạn 2)	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Ninh Hiệp	2021-2023	34/NQ-HĐND ngày 16/10/2020	15118/QĐ-CTUBND ngày 25/10/2021	68.391	21.000		0	21.000	21.000					
IX	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế									87.556	87.556	0	0	0			
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>									87.556	87.556	0	0	0			
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.652B và ĐT.652D (đoạn từ đường ĐT.652 đến Quốc lộ 26B)	BQL KKT Văn phong	Ninh Hòa	2023-2026	80/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	182/QĐ-KKT ngày 31/10/2022	816.173	416.173	400.000	100.100	87.556	87.556					
X	Cấp nước, thoát nước									5.000	5.000	0	0	0			
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</i>									5.000	5.000	0	0	0			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA						Vốn XDCB tập trung		Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
1	Nâng cấp Hệ thống cấp nước Diên Sơn- Diên Điền	TT Nước sạch và VSMT Nông thôn	Huyện Diên Khánh	2022-2024	07/NQ-HĐND ngày 15/01/2021	1429/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	7.004	7.004		2.000	5.000	5.000						
XI	Công nghệ thông tin										4.700	4.700	0	0	0			
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</i>										4.700	4.700	0	0	0			
1	Trung tâm điều hành thông tin, hỗ trợ khách du lịch	Sở Du lịch	Nha Trang	2022-2024	54/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	2476/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	4.725	4.725		0	4.700	4.700				Hoàn ứng 155 triệu đồng (theo Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh)		
XII	Xã hội										24.899	24.899	0	0	0			
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</i>										24.899	24.899	0	0	0			
1	Sửa chữa, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ Hòn Dung	Sở LĐ	Nha Trang	2022-2024	48/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	2290/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	2.000	2.000		600	1.400	1.400						
2	Cải tạo và sửa chữa Trung tâm Điều dưỡng và Chăm sóc Người có công Khánh Hòa	Sở LĐ	Nha Trang	2022-2024	24/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	1135/QĐ-UBND ngày 27/4/2022	6.397	6.397		5.267	933	933						
3	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Khánh Hòa	Sở LĐ	Khánh Vĩnh	2021-2024	33/NQ-HĐND ngày 21/7/2020	690/QĐ-UBND ngày 22/3/2021	59.941	59.941		31.434	22.566	22.566						
XIII	Quản lý nhà nước										201.190	201.190	0	0	0			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA						Vốn XDCB tập trung		Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
	Dự án khởi công mới năm 2024									201.190	201.190	0	0	0				
1	Xây dựng trụ sở làm việc Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh	BQLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2023-2025	17/NQ-HBND ngày 02/6/2023	2995/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	544.662	543.110		1.751	200.000	200.000						
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc cơ quan Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh	Nha Trang	2023-2024	24/NQ-HBND ngày 20/7/2023	2725/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	1.198	1.198		0	1.190	1.190						
XIV	Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội										122.917	122.917	0	0	0			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024										122.917	122.917	0	0	0			
1	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh	CA tỉnh	xã Cam Phước Đông	2022-2024	104/NQ-HBND ngày 15/11/2022	2270/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	5.762	5.762		1.500	4.200	4.200						
2	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Cam Thịnh Tây, thành phố Cam Ranh	CA tỉnh	xã Cam Thịnh Tây	2022-2024	106/NQ-HBND ngày 15/11/2022	2261/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	5.938	5.938		1.500	4.400	4.400						
3	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Cam Thành Nam, thành phố Cam Ranh	CA tỉnh	xã Cam Thành Nam	2022-2024	105/NQ-HBND ngày 15/11/2022	2263/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	5.604	5.604		1.500	4.100	4.100						
4	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Đông, thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	xã Ninh Đông	2022-2024	94/NQ-HBND ngày 15/11/2022	2268/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	5.310	5.310		1.500	3.800	3.800						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	
5	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Bình, thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	xã Ninh Bình	2022-2024	96/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	2260/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	8.258	5.258	1.500	3.700	3.700			
6	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Ích, thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	xã Ninh Ích	2022-2024	97/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	2266/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	5.836	5.836	1.500	4.300	4.300			
7	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	xã Ninh Sơn	2022-2024	100/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	2269/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	5.882	5.882	1.500	4.300	4.300			
8	Cải tạo, sửa chữa khu nhà tầng thu Công an tỉnh Khánh Hòa	CA tỉnh	Nha Trang	2022-2024	93/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	2114/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	6.577	6.577	1.500	5.000	5.000			
9	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Lộc, thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	xã Ninh Lộc	2022-2024	98/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	2259/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	4.997	4.997	1.500	3.400	3.400			
10	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Diên An, huyện Diên Khánh	CA tỉnh	xã Diên An	2022-2024	111/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	2265/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	4.998	4.998	1.500	3.400	3.400			
11	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Diên Phú, huyện Diên Khánh	CA tỉnh	xã Diên Phú	2022-2024	109/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	2258/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	5.035	5.035	1.500	3.500	3.500			
12	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Diên Tân, huyện Diên Khánh	CA tỉnh	xã Diên Tân	2022-2024	108/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	2262/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	5.244	5.244	1.500	3.700	3.700			
13	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh	CA tỉnh	xã Suối Hiệp	2022-2024	107/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	2264/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	5.593	5.593	1.500	4.000	4.000			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SĐĐ trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
14	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh	CA tỉnh	xã Khánh Bình	2022-2024	117/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	2267/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	5.419	5.419		1.500	3.900	3.900			
15	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Thành, huyện Khánh Vĩnh	CA tỉnh	xã Khánh Thành	2022-2024	113/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	2271/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	5.981	5.981		1.500	4.400	4.400			
16	Trung tâm chỉ huy Cảnh sát PCCC tỉnh Khánh Hòa	CA tỉnh	Nha Trang	2016-2024	2409/QĐ-BCA-H43 21/6/2016	285/QĐ-H41-H45 ngày 14/10/2016, 119/QĐ-H41-H45 ngày 14/6/2017, 124/QĐ-H41-H45 ngày 21/6/2017; 6168/QĐ-BCA-H02 ngày 08/9/2023	143.417	50.211	93.206	28.382	14.618	14.618			
17	Nhà ở dân quân Ban Chỉ huy quân sự huyện Khánh Vĩnh	BCHQS tỉnh	Khánh Vĩnh	2023-2024	98/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	749/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	8.744	8.744		3.500	5.200	5.200			
18	Đường cơ động và bến cập tàu xã đảo Ninh Vân	BCHQS tỉnh	Ninh Vân, Ninh Hòa	2020-2023	34/NQ-HĐND ngày 15/5/2020	2947/QĐ-UBND ngày 29/10/2020; 1902/QĐ-UBND ngày 08/7/2021; 3156/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	126.647	76.647	50.000	77.980	36.020	36.020			
19	Xây dựng mới Nhà kho vũ khí, đạn tinh và nâng cấp cải tạo doanh trại Đại đội huấn luyện C19	BCH BĐBP tỉnh	Cam Ranh	2023-2025	85/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	717/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	10.821	10.821		6.000	4.800	4.800			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	
20	Nhà tập luyện thể thao đa năng huyện Trường Sa	UBND huyện Trường Sa	Trường Sa	2021-2023	92/NQ-HBND ngày 08/12/2020	918/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	13.916	13.916	8.000	2.179	2.179				
XV	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư									128.200	99.200	29.000	0	0	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024									29.000	0	29.000	0	0	
l	Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	BQL ĐABT XD các CT NN&PTNT	Nha Trang	2017-2023	338/NQ-HBND 27/10/2017	3241/QĐ-UBND 30/10/2017; 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; 4063/QĐ-UBND ngày 10/11/2021; 3336/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	90.343	90.343	60.394	29.000	29.000				
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024									99.200	99.200	0	0	0	
l	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Vĩnh Trung - Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	UBND TP Nha Trang	xã Vĩnh Trung, Vĩnh Thái, Nha Trang	2021-2025	94/NQ-HBND ngày 08/12/2020; 88/NQ-HBND ngày 28/7/2021	1868/QĐ-UBND ngày 08/8/2023; 2603/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	197.565	197.565	800	99.200	99.200				
XVI	Lập quy hoạch tỉnh, các chính đầu tư công khác theo quy định									403.147	180.843	15.000	0	207.304	
l	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025			2021-2025	62/NQ-HBND ngày 22/8/2022; 27/NQ-HBND ngày 21/7/2023		952.816	409.795	231.928	70.710	70.710				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Trong đó:					Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA								
2	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa			2021-2025	61/NQ-HĐND ngày 22/8/2022; 26/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		462.014	45.046	340.785	164.775	82.722	7.623			75.099	
3	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025			2021-2025	32/NQ-HĐND ngày 30/6/2022; 20/NQ-HĐND ngày 02/6/2023		544.563	52.097	492.466	314.843	159.566	27.361			132.205	
4	Trả nợ quyết toán									35.876	8.640	8.640				
5	Hỗ trợ cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng				11/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021					39.491	10.509	10.509				
6	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp, nông thôn theo NĐ 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ (thay thế NĐ 210/2013/NĐ-CP)									0	5.000	5.000				
7	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh				11/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021					0	10.000	10.000				
8	Vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh									93.000	56.000	56.000				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	
XVII	Đề án tổng thể giảm nghèo của 2 huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh giai đoạn 2021-2025			2021-2025	3349/QĐ-UBND ngày 05/12/2022; 3350/QĐ-UBND ngày 05/12/2022					39.873	39.873	0	0	0	
1	Đập dâng Tô Hạp 1	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	thị trấn Tô Hạp, Khánh Sơn	2023-2025	34/NQ-HBND ngày 09/10/2023	3663/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	50.000	50.000		0	39.873	39.873			
XVIII	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện đầu tư theo ngành, lĩnh vực									29.000	29.000	0	0	0	
1	Thị xã Ninh Hòa									5.000	5.000				10311/UBND-XDND ngày 06/10/2023 của UBND tỉnh
2	Thành phố Cam Ranh									10.000	10.000				4437/UBND-KT ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh
3	Thành phố Nha Trang									14.000	14.000				542/TB-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh
XIX	Trích 10% bổ sung Quỹ phát triển đất tỉnh									127.500		127.500			Sử dụng nguồn theo quy định của pháp luật đầu tư công.

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT
XX	Trích 10% cho ngân sách cấp huyện nơi có phát sinh nguồn thu tiền sử dụng đất									127.500		127.500			Sử dụng nguồn theo quy định của pháp luật đầu tư công
XXI	Chưa phân bổ									872.730	138.500	734.230			
B	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (đầu tư theo các ngành, lĩnh vực, chương trình)									992.853	467.853	525.000			
I	Nguồn XDCB tập trung									467.853	467.853				
1	Thành phố Nha Trang									78.189	78.189				
2	Thành phố Cam Ranh									52.644	52.644				
3	Huyện Cam Lâm									49.200	49.200				
4	Huyện Diên Khánh									64.452	64.452				
5	Thị xã Ninh Hoà									71.832	71.832				
6	Huyện Vạn Ninh									55.104	55.104				
7	Huyện Khánh Vĩnh									55.596	55.596				
8	Huyện Khánh Sơn									40.836	40.836				

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023 (TW và ĐP)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT
II	Nguồn CQSD Đất									525.000		525.000			
1	Thành phố Nha Trang									260.000		260.000			Trích 10% bổ sung Quỹ phát triển đất tỉnh sử dụng để ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và tạo quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
2	Thành phố Cam Ranh									115.000		115.000			
3	Huyện Cam Lâm									10.000		10.000			
4	Huyện Diên Khánh									25.000		25.000			
5	Thị xã Ninh Hoà									50.000		50.000			
6	Huyện Vạn Ninh									48.500		48.500			
7	Huyện Khánh Vĩnh									13.000		13.000			
8	Huyện Khánh Sơn									3.500		3.500			

PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày

/

/2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NS tỉnh 2024	Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
	TỔNG SỐ						70.710	
A	PHÂN BỐ CHI TIẾT				90.941	64.866	64.866	
I	THỊ XÃ NINH HÒA				39.783	23.052	23.052	
*	Hỗ trợ đầu tư xã NTM kiểu mẫu 2024							
1	Xã Ninh Quang				8.857	5.799	5.799	
a	Giao thông				3.390	2.372	2.372	
	Đường nội đồng từ Hội trường thôn Thuận Mỹ đến nhà ông Hồ Chính thôn Phước Lộc	UBND xã Ninh Quang	2024	227/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	749	524	524	
	Đường nội đồng từ Cầu Đúc đến giáp đường nội đồng Cầu Từ thôn Phú Hòa	UBND xã Ninh Quang	2024	226/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	796	557	557	
	Đường nội đồng từ nhà ông Hường thôn Phú Hòa đến nương Tre	UBND xã Ninh Quang	2024	228/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	499	349	349	
	Đường cấp phối từ nhà ông Ngâm thôn Quang Vinh đến nhà bà Nhung thôn Thạnh Mỹ	UBND xã Ninh Quang	2024	229/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	749	524	524	
	Đường nội đồng Trại Cây Đội 5 thôn Phú Hòa	UBND xã Ninh Quang	2024	230/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	597	418	418	
b	Thủy lợi và phòng chống thiên tai				4.468	3.127	3.127	
	Kênh mương BTXM N12B	UBND xã Ninh Quang	2024	235/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	2.199	1.539	1.539	
	Kênh mương BTXM đồng Cảnh Buồm	UBND xã Ninh Quang	2024	233/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	791	554	554	
	Kênh mương BTXM đồng Cây Ké	UBND xã Ninh Quang	2024	234/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	496	347	347	
	Kênh mương BTXM đồng Bà Nghiền	UBND xã Ninh Quang	2024	231/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	982	687	687	
c	Cơ sở vật chất văn hóa				999	300	300	
	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời)	UBND xã Ninh Quang	2024	237/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	999	300	300	
*	Hỗ trợ đầu tư xã NTM nâng cao 2024							
2	Xã Ninh Sơn				6.943	4.860	4.860	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NS tỉnh 2024	Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
a	Giao thông				6.943	4.860	4.860	
	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 4, đoạn từ TL7 đến cầu Ba Lý	UBND xã Ninh Sơn	2024	251/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	3.600	2.520	2.520	
	Đường BTXM thôn 4, xã Ninh Sơn, đoạn từ nhà ông Dương đến suối Ngang	UBND xã Ninh Sơn	2024	250/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.233	863	863	
	Đường trục nội đồng thôn 4, đoạn từ đất ông Toán đến đất bà Minh	UBND xã Ninh Sơn	2024	249/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	900	630	630	
	Đường trục nội đồng thôn 5, đoạn từ đất ông Khiêm đến đất ông Bán	UBND xã Ninh Sơn	2024	248/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.210	847	847	
3	Xã Ninh Tân				12.994	9.096	9.096	
a	Giao thông				12.994	9.096	9.096	
	Đường từ TL 5 cũ đến ruộng đồng Nghĩa Xanh	UBND xã Ninh Tân	2024	222/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	700	490	490	
	Đường BTXM từ tràn dân quân đến đất ông Thọ	UBND xã Ninh Tân	2024	216/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.000	700	700	
	Nâng cấp đường tuyến 2000 (Hương bắc)	UBND xã Ninh Tân	2024	213/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.097	768	768	
	Đường nối tuyến 2400 (Phía bắc)	UBND xã Ninh Tân	2024	212/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	597	418	418	
	Đường BTXM từ nhà Ông Cao Ben đến Thác Bông Lau	UBND xã Ninh Tân	2024	214/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.000	700	700	
	Đường từ đất ông Khuyến đến chân đồi An Giang	UBND xã Ninh Tân	2024	220/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	1.100	770	770	
	Đường tuyến 1400 đến mặt khu	UBND xã Ninh Tân	2024	218/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	1.150	805	805	
	Đường tuyến 2600 (từ TL5) đến đất ông Dương Văn Hùng	UBND xã Ninh Tân	2024	217/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	1.000	700	700	
	Đường từ đất ông Quảng đến đất Ông Phúc	UBND xã Ninh Tân	2024	223/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	1.100	770	770	
	Đường từ đất ông Hoàng đến đất ông Phong 2800	UBND xã Ninh Tân	2024	221/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	1.000	700	700	
	Đường từ đất Ông Tuấn đến đất ông Phú	UBND xã Ninh Tân	2024	215/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	2.150	1.505	1.505	
	Đường từ TL8 đến đất Ông Thành	UBND xã Ninh Tân	2024	219/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	1.100	770	770	
*	Hỗ trợ đầu tư xã NTM nâng cao 2023							
4	Xã Ninh Phụng				10.989	3.297	3.297	
	Trường học				10.989	3.297	3.297	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NS tỉnh 2024	Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
	Xây dựng Trường THCS Trần Quốc Tuấn	Ban QLDA các CTXD Ninh Hoà	2023-2024	15910/QĐ-CTUBND ngày 01/12/2023	10.989	3.297	3.297	
II	HUYỆN DIÊN KHÁNH				30.195	28.260	28.260	
*	Hỗ trợ đầu tư huyện NTM năm 2023				26.902	26.253	26.253	
	Nâng cấp, cải tạo Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GD&ĐT	2023-2024	2566/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	11.925	11.578	11.578	(*)
	Nâng cấp, cải tạo Trường THPT Nguyễn Thái Học	Sở GD&ĐT	2023-2024	2564/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	14.977	14.675	14.675	(*)
*	Hỗ trợ đầu tư xã NTM nâng cao 2024							
1	Xã Diên Thọ				899	629	629	
	<i>Thủy lợi và phòng chống thiên tai</i>				899	629	629	
	KCH kênh tưới Bà Thất thôn Lễ Thạnh	UBND xã Diên Thọ	2024	190/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	899	629	629	
2	Xã Diên Hòa				2.394	1.378	1.378	
<i>a</i>	<i>CSVC Văn Hóa</i>				498	149	149	
	Trang bị dụng cụ tập luyện ngoài trời cho Trung tâm Thể thao xã	UBND xã Diên Hòa	2024	103/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	498	149	149	
<i>b</i>	<i>Giao thông</i>				1.197	838	838	
	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã ba Bình Khánh – cầu Cây Đa	UBND xã Diên Hòa	2024	101/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	1.197	838	838	
<i>c</i>	<i>Tổ chức sản xuất</i>				699	391	391	
	Xây dựng nhà kho HTX Diên Hòa	UBND xã Diên Hòa	2024	102/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	699	391	391	
III	HUYỆN KHÁNH VINH				16.963	9.554	9.554	
*	Hỗ trợ đầu tư nhằm đạt và duy trì tiêu chí							
1	Xã Sông Cầu				1.597	1.118	1.118	
	<i>Giao thông</i>				1.597	1.118	1.118	
	Nâng cấp Bê tông hóa đường nội đồng từ Công ty Diệp Châu đến đất bà Mười	UBND xã Sông Cầu	2024	151/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	599	419	419	
	Nâng cấp đường vào khu sản xuất cụm Công nghiệp Sông Cầu, giai đoạn 2	UBND xã Sông Cầu	2024	152/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	998	699	699	
2	Xã Khánh Hiệp				2.191	1.533	1.533	
	<i>Giao thông</i>				2.191	1.533	1.533	
	Tuyến H18 từ nhà cộng đồng xóm Y Bảo đến đất Y Soãn K Nai	UBND xã Khánh Hiệp	2024	217/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	992	694	694	
	Tuyến H21 từ diêm giữa T6 đất Trần Thị Khoa đến khu sản xuất	UBND xã Khánh Hiệp	2024	216/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.199	839	839	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NS tỉnh 2024	Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
3	Xã Khánh Bình				4.000	1.200	1.200	
	<i>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>				4.000	1.200	1.200	
	Nâng cấp chợ Khánh Bình	UBND xã Khánh Bình	2023-2024	140/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	4.000	1.200	1.200	
4	Xã Khánh Phú				3.000	2.100	2.100	
	<i>Giao thông</i>				2.997	2.097	2.097	
	Bê tông hóa đường Cao Bình đi Là Nia	UBND xã Khánh Phú	2024	186/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	999	699	699	
	Bê tông hóa đường từ ông Ty Địa đến ông Cao Dũng	UBND xã Khánh Phú	2024	185/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	999	699	699	
	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Nam đến đất ông Phúc	UBND xã Khánh Phú	2024	184/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	999	699	699	
5	Xã Khánh Thượng				1.150	805	805	
	<i>Giao thông</i>				1.150	805	805	
	Từ khu vực thác Hòm đi vào khu sản xuất	UBND xã Khánh Thượng	2024	224/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.150	805	805	
6	Xã Khánh Thành				899	629	629	
	<i>Giao thông</i>				899	629	629	
	Đường sản xuất thôn Giồng Cạo (Đoạn đường từ đất rẫy ông Hải đến đất rẫy ông Cao Lãnh)	UBND xã Khánh Thành	2024	152/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	899	629	629	
7	Xã Giang Ly				1.399	420	420	
	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>				1.399	420	420	
	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học xã Giang Ly cũ thành trung tâm văn hóa thể thao xã	UBND xã Giang Ly	2024	179/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.399	420	420	
8	Xã Liên Sang				2.727	1.749	1.749	
a	<i>Giao thông</i>				2.327	1.629	1.629	
	Đường nội đồng từ đất rẫy ông Cao Gia Minh đến đất rẫy ông Đàm Ngọc Thường	UBND xã Liên Sang	2024	168/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.129	790	790	
	Đường vào khu sản xuất Suối Vàng	UBND xã Liên Sang	2024	166/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	1.198	839	839	
b	<i>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>				400	120	120	
	Nâng cấp sửa chữa chợ xã Liên Sang	UBND xã Liên Sang	2024	167/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	400	120	120	
IV	HUYỆN KHÁNH SON				4.000	4.000	4.000	
*	Hỗ trợ đầu tư xã NTM năm 2025							

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NS tỉnh 2024	Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số (các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		
	Xã Sơn Bình				4.000	4.000	4.000	
	Trường học				4.000	4.000	4.000	
	Nâng cấp điểm trường tiểu học Cà Giàng Thấp xã Sơn Bình	Phòng GD&ĐT Khánh Sơn	2024	3263/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	4.000	4.000	4.000	
B	CHƯA PHÂN BỎ						5.844	

(*): Dự án Nâng cấp, cải tạo Trường THPT Hoàng Hoa Thám hoàn ứng 578 triệu đồng; dự án Nâng cấp, cải tạo Trường THPT Nguyễn Thái Học hoàn ứng 675 triệu đồng theo Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh

PHỤ LỤC 3
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Vốn đã bố trí năm 2023	Kế hoạch 2024					
					Số, ngày, tháng, năm	TMĐT	Trong đó			Số lượng (hộ)	Tổng số các nguồn vốn	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương		
							NSTW	NS tỉnh					Tổng số	NS tỉnh	Vốn NQ17
	TỔNG SỐ									129.482	75.099	54.383	7.623	46.760	
A	PHÂN BỐ CHI TIẾT									116.896	65.834	51.062	4.302	46.760	
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP									10.660	10.025	635	635		
1	Dự án 4 - Tiểu dự án 1									6.460	5.825	635	635		
	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã	Sở Y tế	KS, KV, CL	2023-2024	744/QĐ-UBND, 31/3/2023	14.341	12.475	1.866	10.351	3.990	3.589	401	401		
	Huyện Khánh Sơn														
	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Sơn Trung đi Ba Cùm Bắc	Phòng KT&HT Khánh Sơn	Sơn Trung - Ba Cùm Bắc	2023-2024	2442/QĐ-UBND, 30/11/2022	7.000	2.236	234		2.470	2.236	234	234		
2	Dự án 5 - Tiểu dự án 1:									4.200	4.200				
	Bổ sung, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường phổ thông DTNT tỉnh Khánh Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo	02 Hòn Chông Nha Trang	2023-2024	716/QĐ-UBND, 29/3/2023	14.999	13.042	1.957	10.657	4.200	4.200				
II	DỰ ÁN MỚI									106.236	55.809	50.427	3.667	46.760	
1	Dự án 1:									106.236	55.809	50.427	3.667	46.760	
1.1	Hỗ trợ đất ở									33	1.459	1.320	139	139	
*	Huyện Khánh Vĩnh (17 hộ)			2024						17	752	680	72	72	
	- Xã Cầu Bà									3	133	120	13	13	
	- Xã Khánh Trung									4	177	160	17	17	
	- Xã Khánh Bình									9	398	360	38	38	

S T T	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Vốn đã bố trí năm 2023	Kế hoạch 2024					
					Số, ngày, tháng, năm	TMDT	Trong đó			Số lượng (hộ)	Tổng số các nguồn vốn	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương		
							NSTW	NS tỉnh					Tổng số	NS tỉnh	Vốn NQ17
	- Xã Liên Sang								1	44	40	4	4		
*	Thị xã Ninh Hoà (11 hộ)			2024					11	486	440	46	46		
	- Xã Ninh Tây								11	486	440	46	46		
*	Thành phố Cam Ranh (5 hộ)			2024					5	221	200	21	21		
	- Xã Cam Thịnh Tây								5	221	200	21	21		
1.2	Hỗ trợ nhà ở								1.195	95.288	47.800	47.488	728	46.760	
*	Huyện Khánh Vĩnh (304 hộ)			2023-2024		31.120		6.800	304	24.320	12.160	12.160		12.160	
	- Xã Sơn Thái								6	480	240	240		240	
	- Xã Cầu Bà								13	1.040	520	520		520	
	- Xã Khánh Hiệp								72	5.760	2.880	2.880		2.880	
	- Xã Khánh Trung								38	3.040	1.520	1.520		1.520	
	- Xã Khánh Bình								52	4.160	2.080	2.080		2.080	
	- Xã Khánh Phú								42	3.360	1.680	1.680		1.680	
	- Xã Khánh Thành								40	3.200	1.600	1.600		1.600	
	- Xã Khánh Đông								12	960	480	480		480	
	- Xã Liên Sang								29	2.320	1.160	1.160		1.160	
*	Huyện Khánh Sơn (865 hộ)			2023-2024		73.200		4.000	865	69.200	34.600	34.600		34.600	
	- Xã Thành Sơn								218	17.440	8.720	8.720		8.720	
	- Xã Sơn Lâm								164	13.120	6.560	6.560		6.560	
	- Xã Sơn Bình								90	7.200	3.600	3.600		3.600	
	- Xã Sơn Hiệp								33	2.640	1.320	1.320		1.320	
	- Thị trấn Tô Hạp								109	8.720	4.360	4.360		4.360	
	- Xã Sơn Trung								94	7.520	3.760	3.760		3.760	
	- Xã Ba Cùm Bắc								79	6.320	3.160	3.160		3.160	

S T T	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Vốn đã bổ trí năm 2023	Kế hoạch 2024						
					Số, ngày, tháng, năm	TMĐT	Trong đó		Số lượng (hộ)	Tổng số các nguồn vốn	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương			
							NSTW					NS tỉnh	Tổng số	NS tỉnh	Vốn NQ17
	- Xã Ba Cụt Nam								78	6.240	3.120	3.120		3.120	
*	Thị xã Ninh Hòa (12 hộ)			2023-2024		1.216			400	12	816	480	336	336	
	- Xã Ninh Tây								12	816	480	336	336		
*	Thành phố Cam Ranh (14 hộ)			2023-2024		2.392			1.440	14	952	560	392	392	
	- Xã Cam Thịnh Tây								7	476	280	196	196		
	- Xã Cam Phước Đông								7	476	280	196	196		
1.3	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung										9.489	6.689	2.800	2.800	
*	Huyện Khánh Vĩnh														
	Đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống nước sinh hoạt xã Giang Ly	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Giang Ly	2024	940/QĐ-UBND, 17/11/2023	4.999	3.000	1.400			4.400	3.000	1.400	1.400	
	Đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Cầu Bà	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Cầu Bà	2024-2025	941/QĐ-UBND, 17/11/2023	11.000	3.000	5.600			689	689			
*	Huyện Cam Lâm														
	Đầu tư nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Sơn Tân	Ban QLDA Cam Lâm	Xã Sơn Tân	2024	931/QĐ-UBND, 15/11/2023	4.994	3.000	1.400			4.400	3.000	1.400	1.400	
B	CHƯA PHÂN BỐ										12.586	9.265	3.321	3.321	

PHỤ LỤC 4
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 BỔ TRÍ CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH KHÁNH
HÒA GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn bổ trợ giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn bổ trợ đến hết năm 2023			Kế hoạch vốn bổ trợ năm 2024			Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó			
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh			
TỔNG SỐ																		
									383.500	353.898	29.602	159.969	157.728	2.241	159.566	132.205	27.361	
A	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐKKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo								282.358	262.367	19.991	113.417	111.176	2.241	128.893	111.143	17.750	
I	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo								278.358	258.367	19.991	113.417	111.176	2.241	124.893	107.143	17.750	
I.1	Huyện Khánh Vĩnh								160.003	160.003	0	78.549	78.549	0	61.406	61.406	0	
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản								80.000	80.000	0	25.000	25.000	0	35.000	35.000	0	
1	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Cái (xã Cầu Bà - Liên Sang)	Phòng NN&PTNT huyện Khánh Vĩnh	Xã Cầu Bà, Liên Sang	2022-2025	670/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	80.000	80.000		80.000	80.000		25.000	25.000		35.000	35.000		
b	Giao thông								79.955	79.955	0	53.549	53.549	0	26.406	26.406	0	
1	Cầu Sông Trang	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Khánh Vĩnh	Xã Liên Sang	2022-2024	666/QĐ-UBND ngày 09/8/2022; 999/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	79.955	79.955		79.955	79.955		53.549	53.549		26.406	26.406		
I.2	Huyện Khánh Sơn								118.355	98.364	19.991	34.868	32.627	2.241	63.487	45.737	17.750	
	Giao thông								118.355	98.364	19.991	34.868	32.627	2.241	63.487	45.737	17.750	
1	Xây dựng tuyến đường từ thôn Tha Mang, xã Ba Cùm Bắc đi thôn Tả Lương thị trấn Tô Hạp	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	Xã Ba Cùm Bắc, Thị trấn Tô Hạp	2022-2025	2095/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	25.000	22.000		22.000	22.000		12.000	12.000		10.000	10.000		
2	Đường từ cầu trần Suối Lớn xã Ba Cùm Nam đến xã Ba Cùm Bắc (giai đoạn 2)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Khánh Sơn	Xã Ba Cùm Nam, Ba Cùm Bắc	2023-2025	2928/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	40.000	35.000		35.000	35.000					15.000	15.000		

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2023			Kế hoạch vốn bố trí năm 2024			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:			NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh	
							NSTW	NS tỉnh										
3	Xây dựng tuyến đường từ thôn Dốc Gao thị trấn Tô Hạp đi thôn Xóm Cỏ xã Sơn Bình	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Khánh Sơn	Thị trấn Tô Hạp, xã Sơn Bình	2022-2025	2093/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	39.989	35.000		35.000	35.000		14.263	14.263		20.737	20.737		
4	Xây dựng tuyến đường từ thị trấn Tô Hạp đi thôn Hòn Dung xã Sơn Hiệp	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Khánh Sơn	Thị trấn Tô Hạp, xã Sơn Hiệp	2022-2025	2094/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	39.986	6.364	19.991	26.355	6.364	19.991	8.605	6.364	2.241	17.750		17.750	
II	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển (Xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh)								4.000	4.000	0	0	0	0	4.000	4.000	0	
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản								4.000	4.000	0	0	0	0	4.000	4.000	0	
1	Xây dựng bờ kè đoạn từ cầu cảng đến nhà ông Tốt, thôn Điệp Sơn	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Điệp Sơn	2024	159/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.000	2.000		2.000	2.000					2.000	2.000		
2	Xây dựng bờ kè đoạn từ nhà bà Trang đến nhà ông Toàn, thôn Điệp Sơn	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Điệp Sơn	2024	160/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.000	2.000		2.000	2.000					2.000	2.000		
B	Tiểu dự án 2. Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt								101.142	91.531	9.611	46.552	46.552	0	30.673	21.062	9.611	
1	Đường liên xã Sơn Lâm đi xã Thành Sơn	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Khánh Sơn	Xã Sơn Lâm, Thành Sơn	2023-2025	1044/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	79.000	79.000		79.000	79.000		38.552	38.552		16.531	16.531		
2	Xây dựng Cầu Hợp tác, xã Ba Cùm Bắc	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Khánh Sơn	Xã Ba Cùm Bắc	2023-2025	1043/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	26.261	12.531	9.611	22.142	12.531	9.611	8.000	8.000		14.142	4.531	9.611	